

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI UDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN

Kỳ kiểm tra ngày 12 tháng 07 năm 2026

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
1	CB61001	TCNH2411024	Lê Huỳnh Khả	Ái	10/12/2006	Kiên Giang	5,67	7,50	Đạt
2	CB61002	LQCC2411013	Trần Phú	An	28/04/2006	Kiên Giang	8,00	9,00	Đạt
3	CB61003	KHDL2411003	Đào Loan	Anh	12/03/2006	Cà Mau	7,00	8,75	Đạt
4	CB61004	QTKD2311028	Lâm Thị Vân	Anh	04/11/2005	Cà Mau	9,00	7,50	Đạt
5	CB61005	QLXD2411063	Lê Cao Nhật	Anh	15/01/2006	Đồng Tháp	5,67	7,50	Đạt
6	CB61006	KHDL2411006	Phan Châm	Anh	24/09/2006	Cần Thơ	8,33	9,25	Đạt
7	CB61007	LUAT2311040	Trần Phương	Anh	05/06/2005	Cần Thơ	7,67	6,25	Đạt
8	CB61008	CNXD2211038	Lê Hoàng Gia	Bảo	05/01/2004	Cần Thơ	6,67	7,00	Đạt
9	CB61009	QLCN2411027	Phạm Hữu Thái	Bình	07/01/2005	Vĩnh Long	0,00	0,00	Không đạt
10	CB61010	2101005	Lê Minh	Cần	07/01/2003	Bạc Liêu	5,33	6,75	Đạt
11	CB61011		Lê Thị Thanh	Châu	07/06/1980	Long An	6,00	7,00	Đạt
12	CB61012	QLCN2411025	Nguyễn Thị Hồng	Châu	06/10/2006	Cần Thơ	9,33	7,75	Đạt
13	CB61013	CNCD2411072	Đình Thành	Dện	18/03/2006	Sóc Trăng	5,67	7,75	Đạt
14	CB61014	CNCD2411008	Lê Hoàng	Diệu	28/12/2006	Đồng Tháp	7,67	7,75	Đạt
15	CB61015	NGNA2411033	Lý Hoàng	Dung	18/11/2006	Cần Thơ	7,00	6,50	Đạt
16	CB61016	LUAT2311012	Nguyễn Thị	Dung	31/07/2005	An Giang	5,67	6,25	Đạt
17	CB61017	CNXD2211056	Nguyễn Đức	Duy	04/04/2004	Hậu Giang	6,00	6,00	Đạt
18	CB61018	LUAT2311055	Nguyễn Tường	Duy	18/05/2005	Bạc Liêu	6,33	6,00	Đạt

19	CB61019	CNCD2411032	Trần Đức	Duy	24/07/2006	Hậu Giang	6,00	6,50	Đạt
20	CB61020	CNHH2411037	Nguyễn Thị Hường	Dương	01/12/2006	Cần Thơ	7,67	6,75	Đạt
21	CB61021	CNSH2211008	Trần Thị Thùy	Dương	13/04/2004	Hậu Giang	7,67	7,50	Đạt
22	CB61022	LUAT2311041	Đỗ Thành	Đạt	16/03/2005	Đồng Tháp	6,67	7,50	Đạt
23	CB61023	CNCD2411021	Lê Thành	Đạt	28/01/2006	An Giang	8,00	7,25	Đạt
24	CB61024	2100760	Chu Mạnh	Đình	17/06/2003	Sóc Trăng	6,67	7,50	Đạt
25	CB61025	KTHC2211001	Dương Đình Khánh	Đoan	13/02/2004	Cần Thơ	7,33	7,50	Đạt
26	CB61026	CNCD2411050	Nguyễn Công	Đoàn	12/06/2006	Sóc Trăng	4,33	7,00	Không đạt
27	CB61027	2100531	Trần Đăng Minh	Đức	10/12/2002	Sóc Trăng	7,33	7,50	Đạt
28	CB61028		Nguyễn Thị Hồng	Gấm	02/03/2007	Sóc Trăng	6,00	6,00	Đạt
29	CB61029	NGNA2411057	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	18/09/2006	Bạc Liêu	7,33	7,50	Đạt
30	CB61030	QLCN2311061	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	20/03/2005	Hậu Giang	6,67	7,00	Đạt
31	CB61031		Đào Thị Ngọc	Hân	27/07/2007	An Giang	0,00	0,00	Không đạt
32	CB61032	KETO2411001	Huỳnh Nguyễn Gia	Hân	28/02/2006	Hậu Giang	7,00	6,75	Đạt
33	CB61033	NGNA2411074	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	01/01/2006	Cần Thơ	5,67	6,25	Đạt
34	CB61034	NGNA2411027	Trần Ngọc	Hiền	29/12/2006	Cần Thơ	7,00	9,00	Đạt
35	CB61035	TCNH2411006	Bùi Nguyễn Thế	Hiền	03/10/2005	Sóc Trăng	9,00	9,75	Đạt
36	CB61036	CNCD2411054	Nguyễn Thế	Hiền	26/04/2006	Cà Mau	5,00	6,50	Đạt
37	CB61037	KTNL2411024	Võ Lê Trung	Hiếu	13/05/2006	Cần Thơ	5,67	5,75	Đạt
38	CB61038	CNXD2211002	Bùi Thanh	Hoài	25/03/2004	Vĩnh Long	7,33	9,25	Đạt
39	CB61039	LQCC2411029	Huỳnh Văn	Hoàng	09/01/2006	Sóc Trăng	8,00	9,50	Đạt
40	CB61040	2100716	Thiều Quang Huy	Hoàng	02/06/2003	Cần Thơ	5,33	7,50	Đạt
41	CB61041	CNCD2411068	Nguyễn Phi	Hùng	19/04/2006	Cần Thơ	7,33	7,00	Đạt
42	CB61042	KHDL2411018	Huỳnh Quốc	Huy	06/07/2006	Cần Thơ	7,33	8,50	Đạt
43	CB61043	CNTP2411092	Nguyễn Thành	Huy	30/05/2006	Cần Thơ	5,33	7,75	Đạt
44	CB61044	KHDL2411023	Dương Quốc	Hung	30/09/2006	Cần Thơ	7,00	6,75	Đạt

45	CB61045	CNTP2411048	Ngô Hoàng Gia	Hưng	07/04/2006	Sóc Trăng	6,33	5,75	Đạt
46	CB61046	NGNA2411042	Nguyễn Hoàng Xuân	Hương	31/08/2006	Sóc Trăng	7,33	6,75	Đạt
47	CB61047	NGNA2411051	Trần Thanh	Hương	07/05/2006	Cần Thơ	9,33	7,75	Đạt
48	CB61048	CNDD2412036	Nguyễn Minh	Hữu	18/05/2006	Đồng Tháp	9,00	9,25	Đạt
49	CB61049	KHDL2411040	Nguyễn Anh	Kỳ	07/08/2006	Cần Thơ	7,67	6,75	Đạt
50	CB61050	2000639	Đỗ Minh	Khải	11/09/2002	Cần Thơ	4,67	6,75	Không đạt
51	CB61051	KHDL2311014	Lê Thanh Tuấn	Khải	11/10/2005	Kiên Giang	7,33	8,00	Đạt
52	CB61052	KTHC2211051	Hồ Vĩ	Khang	01/04/2004	Cần Thơ	6,00	6,00	Đạt
53	CB61053	2100334	Lâm Minh	Khang	10/02/2003	Bạc Liêu	7,00	7,50	Đạt
54	CB61054	KHDL2311043	Nguyễn Ngọc Hoài	Khang	12/05/2005	Cần Thơ	8,00	9,00	Đạt
55	CB61055	CNCD2411010	Phạm Minh	Khang	24/12/2006	Vĩnh Long	6,33	7,00	Đạt
56	CB61056	KTHC2411018	Võ nguyên Hoàng	Khang	24/10/2006	Hậu Giang	4,67	6,00	Không đạt
57	CB61057	2001145	Hồ Duy	Khanh	19/12/2002	Cần Thơ	7,00	6,50	Đạt
58	CB61058	NGNA2411028	Lê Minh	Khánh	25/02/2006	Cần Thơ	7,67	8,50	Đạt
59	CB61059	2100357	Võ Quốc	Khánh	16/11/2003	Sóc Trăng	5,67	7,50	Đạt
60	CB61060	CNTP2411008	Huỳnh Đăng	Khoa	29/11/2006	An Giang	4,67	6,50	Không đạt
61	CB61061	KHDL2411041	Phạm Đăng	Khoa	25/01/2006	Cà Mau	6,00	6,50	Đạt
62	CB61062	LQCC2411006	Huỳnh Nguyên	Khôi	26/07/2006	Sóc Trăng	7,00	8,50	Đạt
63	CB61063	KTNL2411004	Nguyễn Minh	Khôi	25/05/2006	Cần Thơ	6,67	8,50	Đạt
64	CB61064	CNXD2211023	Phạm Thanh	Lâm	12/10/2003	Cần Thơ	8,33	7,00	Đạt
65	CB61065	NGNA2411021	Hà Thùy	Linh	30/07/2004	Kiên Giang	6,33	6,00	Đạt
66	CB61066	LQCC2411026	Tào Thị Diễm	Loan	17/02/2006	Sóc Trăng	5,00	6,00	Đạt
67	CB61067	KTNL2411015	Liêu Minh	Luân	11/09/2006	Cần Thơ	6,33	5,50	Đạt
68	CB61068	NGNA2211056	Thái Dù	Luân	07/07/2004	Sóc Trăng	5,67	3,75	Không đạt
69	CB61069	KHDL2411007	Đỗ Ngọc Bình	Minh	29/12/2006	Hậu Giang	7,67	7,00	Đạt
70	CB61070	LUAT2311044	Lý Diễm	My	03/11/2005	Cần Thơ	6,33	5,00	Đạt

71	CB61071	CNTP2211046	Huỳnh Ngọc	Ngân	14/02/2004	Cần Thơ	4,67	6,50	Không đạt
72	CB61072	NGNA2411069	Nguyễn Kim	Ngân	22/09/2006	Cần Thơ	7,67	8,75	Đạt
73	CB61073	LQCC2411082	Phạm Thanh	Ngân	05/04/2006	An Giang	6,00	7,75	Đạt
74	CB61074	NGNA2411006	Hồng Thị Hạnh	Nghi	16/06/2006	Bạc Liêu	7,33	6,25	Đạt
75	CB61075	KHDL2311015	Trương Lê Trọng	Nghĩa	10/07/2005	An Giang	8,33	8,50	Đạt
76	CB61076	LUAT2311045	Lê Mỹ	Ngọc	17/08/2005	Cần Thơ	6,00	8,00	Đạt
77	CB61077	NGNA2411001	Nguyễn Đại	Ngọc	05/02/2006	Cần Thơ	4,33	5,00	Không đạt
78	CB61078	2101588	Nguyễn Lý Minh	Ngọc	26/04/2003	Cần Thơ	6,00	7,75	Đạt
79	CB61079	KETO2411002	Bùi Châu Thảo	Nguyên	01/01/2006	Sóc Trăng	6,00	6,75	Đạt
80	CB61080	CNDD2311066	Lê Thanh	Nhã	09/10/2005	Hậu Giang	7,00	7,50	Đạt
81	CB61081	LUAT2311063	Trịnh Ngọc Thanh	Nhã	03/11/2005	Cà Mau	7,33	6,25	Đạt
82	CB61082	KHDL2311019	Võ Phan Trọng	Nhân	28/11/2005	Cần Thơ	8,67	9,00	Đạt
83	CB61083	NGNA2411043	Phạm Thanh	Nhật	02/11/2006	Cần Thơ	6,33	7,50	Đạt
84	CB61084	KTHC2411044	Nghị Tuyết	Nhi	19/09/2006	An Giang	5,33	6,25	Đạt
85	CB61085	KHDL2411029	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	25/01/2006	Kiên Giang	9,00	9,75	Đạt
86	CB61086	KETO2411021	Nguyễn Thị Yển	Nhi	20/01/2006	Cần Thơ	8,33	7,50	Đạt
87	CB61087	KTHC2411051	Trần Ngọc Bảo	Nhi	13/03/2006	Cần Thơ	6,00	6,75	Đạt
88	CB61088	NGNA2411032	Quách Thanh	Nhuận	09/12/2006	Cà Mau	7,33	7,75	Đạt
89	CB61089	LUAT2311056	Quách Phi	Nhung	02/02/2005	Bạc Liêu	5,33	3,75	Không đạt
90	CB61090	NGNA2411016	Lương Nguyễn Huỳnh	Như	12/03/2006	Sóc Trăng	5,67	6,75	Đạt
91	CB61091	CNTP2311064	Phạm Thị Tâm	Như	22/08/2005	An Giang	6,00	6,25	Đạt
92	CB61092	TCNH2411014	Lê Kiều	Oanh	10/11/2006	Hậu Giang	6,00	6,75	Đạt
93	CB61093		Phương Thúy	Oanh	30/04/2007	Hậu Giang	7,00	5,50	Đạt
94	CB61094		Võ Thị	Oanh	15/03/1975	Hậu Giang	8,33	8,25	Đạt
95	CB61095	QLXD2311003	Nguyễn Minh	Phát	11/09/2005	Hậu Giang	6,33	5,75	Đạt
96	CB61096	NGNA2411063	Ông Hoàng	Phúc	05/12/2006	Cần Thơ	6,33	8,00	Đạt

97	CB61097	CNDT2411021	Bùi Thanh	Phụng	03/07/2006	Đồng Tháp	5,00	7,00	Đạt
98	CB61098	LUAT2311067	Nguyễn Kim Ngân	Phụng	04/05/2005	Cần Thơ	9,00	6,50	Đạt
99	CB61099	LQCC2411088	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	09/08/2006	Bạc Liêu	7,33	8,50	Đạt
100	CB61100	NGNA2411060	Nguyễn Lê Nhật	Quang	23/10/2006	Cần Thơ	6,67	6,25	Đạt
101	CB61101	QLXD2211028	Trần Tuấn	Quang	12/02/2004	Kiên Giang	6,33	6,75	Đạt
102	CB61102	NGNA2411011	Nguyễn Hoàng Như	Quân	12/09/2006	Cần Thơ	6,33	6,75	Đạt
103	CB61103	KETO2411045	Trần Kim	Quyên	15/07/2006	Kiên Giang	7,00	9,75	Đạt
104	CB61104		Võ Thị Trúc	Quyên	08/06/2007	Sóc Trăng	6,33	6,00	Đạt
105	CB61105	LQCC2411032	Nguyễn Ngọc Khã	Quyển	22/07/2006	Cần Thơ	0,00	0,00	Không đạt
106	CB61106	TCNH2411049	Nguyễn Nhật	Quỳnh	22/08/2006	Cần Thơ	7,67	10,00	Đạt
107	CB61107	KHDL2411047	Võ Thị Mộng	Quỳnh	06/09/2006	Sóc Trăng	7,67	8,50	Đạt
108	CB61108	QLXD2311014	Lê Tấn	Sang	28/03/2005	Cần Thơ	7,00	6,25	Đạt
109	CB61109	CNDT2411016	Đặng Thái	Son	28/04/2006	An Giang	7,67	9,75	Đạt
110	CB61110	2100209	Châu Tấn	Tài	15/08/2003	Bạc Liêu	6,00	7,25	Đạt
111	CB61111	CNDT2411003	Trần Nhật	Tảo	27/08/2004	Đồng Tháp	8,33	9,75	Đạt
112	CB61112		Nguyễn Thành	Tâm	01/11/1995	Kiên Giang	6,67	6,75	Đạt
113	CB61113		Nguyễn Thị Đan	Tâm	07/07/1980	Cần Thơ	7,00	6,50	Đạt
114	CB61114	LQCC2411102	Trần Thị Kiều	Tiên	16/04/2006	Vĩnh Long	6,33	7,25	Đạt
115	CB61115	CNXD2211025	Trần Thị Thủy	Tiên	25/08/2004	Bạc Liêu	6,33	5,50	Đạt
116	CB61116	CNDT2411040	Nguyễn Phúc	Tiến	06/11/2006	Cần Thơ	7,67	5,25	Đạt
117	CB61117	CNDT2311018	Lê Thái	Toàn	12/01/2005	Tây Ninh	7,00	6,75	Đạt
118	CB61118	CNSH2211032	Đào Hồng	Tú	07/10/2003	Sóc Trăng	7,00	7,00	Đạt
119	CB61119	KETO2411057	Nguyễn Trọng	Tuấn	28/12/2006	An Giang	6,00	7,00	Đạt
120	CB61120	2101002	Phan Duy	Tường	10/01/2003	Kiên Giang	6,33	7,25	Đạt
121	CB61121	CNDD2211060	Nguyễn Hoàng	Thái	15/05/2004	Cần Thơ	8,00	8,75	Đạt
122	CB61122	2000726	Nguyễn Hoàng	Thái	21/02/2002	Cần Thơ	5,67	5,50	Đạt

123	CB61123	CNTP2211054	Nguyễn Đào Cẩm	Thanh	26/07/2004	Đồng Tháp	6,00	6,50	Đạt
124	CB61124	CNDT2411038	Đinh Tấn	Thành	06/06/2006	Đồng Tháp	6,67	8,75	Đạt
125	CB61125	NGNA241053	Hoàng Thị Thanh	Thảo	07/07/2006	Cần Thơ	9,33	9,50	Đạt
126	CB61126	NGNA2411054	Nguyễn Phương	Thảo	28/03/2006	Cà Mau	7,00	8,50	Đạt
127	CB61127	NGNA2411048	Nguyễn Thị Bích	Thảo	31/01/2005	Bạc Liêu	5,67	5,50	Đạt
128	CB61128	NGNA2411007	Phạm Như	Thảo	02/07/2006	Cà Mau	4,00	6,75	Không đạt
129	CB61129	NGNA2211052	Phan Văn Nhứt	Thiên	22/01/2004	Sóc Trăng	6,67	6,75	Đạt
130	CB61130	NGNA2411030	Đặng Nguyễn Minh	Thiện	28/04/2006	Hậu Giang	7,00	8,25	Đạt
131	CB61131	CNCD2411013	Nguyễn Bá	Thiện	24/03/2006	Dublin, Ailen	6,67	7,25	Đạt
132	CB61132	KETO2411046	Huỳnh Thanh	Thiệt	25/02/2006	Sóc Trăng	6,33	6,25	Đạt
133	CB61133	QLXD2311026	Phạm Quốc	Thịnh	29/10/2005	Cần Thơ	7,67	8,25	Đạt
134	CB61134	LUAT2311057	Trần Quốc	Thịnh	02/02/2005	Bạc Liêu	7,00	6,25	Đạt
135	CB61135	NGNA2411029	Đặng Thị Ngọc	Thơ	03/08/2006	Hậu Giang	6,67	8,75	Đạt
136	CB61136	TCNH2411076	Nguyễn Thị Anh	Thơ	08/04/2006	Sóc Trăng	5,33	6,75	Đạt
137	CB61137	NGNA2411056	Tô Ngọc Minh	Thư	13/09/2006	Sóc Trăng	6,67	6,75	Đạt
138	CB61138	KHDL2411024	Trần Anh	Thư	06/11/2006	Cà Mau	6,67	7,00	Đạt
139	CB61139	KHDL2411036	Lê Phương	Trang	06/11/2006	Cần Thơ	7,67	7,50	Đạt
140	CB61140	KETO2411048	Tổng Thùy	Trang	11/12/2006	Cà Mau	8,67	9,50	Đạt
141	CB61141	QTKD2311059	Lê Nguyễn Bảo	Trân	19/09/2005	Vĩnh Long	8,00	9,75	Đạt
142	CB61142	LUAT2311023	Vũ Hoàng Bảo	Trân	03/11/2005	Cần Thơ	8,00	6,50	Đạt
143	CB61143	2100104	Phạm Minh	Trí	03/03/2003	Cần Thơ	6,67	5,00	Đạt
144	CB61144	NGNA2411034	Trần Minh	Trí	02/08/2006	Đồng Tháp	8,00	5,75	Đạt
145	CB61145	KTHC2211044	Hồ Thị Mỹ	Trinh	25/02/2004	An Giang	6,00	7,00	Đạt
146	CB61146	LQCC2411104	Nguyễn Thị Tú	Trinh	17/08/2000	Sóc Trăng	2,67	5,25	Không đạt
147	CB61147	CNDT2411034	Trần Minh	Trọng	09/03/2006	Sóc Trăng	5,67	7,25	Đạt
148	CB61148	CNDD2412034	Nguyễn Thành	Trung	15/08/2006	Đồng Tháp	5,00	6,50	Đạt

149	CB61149	KTNL2211043	Quan Trí	Trung	08/08/2004	Hậu Giang	5,33	6,75	Đạt
150	CB61150	2100338	Nguyễn Khánh	Vi	22/01/2003	Sóc Trăng	6,00	6,50	Đạt
151	CB61151	2100299	Trần Thái	Vinh	30/10/2003	An Giang	6,00	5,75	Đạt
152	CB61152	2101028	Phạm Kiều Hạ	Vy	11/08/2003	Hậu Giang	4,33	6,25	Không đạt
153	CB61153	NGNA2411039	Phan Tường	Vy	26/04/2006	Kiên Giang	7,33	8,00	Đạt
154	CB61154	QTKD2411060	Trần Tường	Vy	18/10/2006	Sóc Trăng	7,33	6,50	Đạt
155	CB61155	NGNA2451001	Hồ Như	Ý	27/02/2006	Bạc Liêu	4,00	6,50	Không đạt
156	CB61156	CNTP2411010	Nguyễn Như	Ý	22/10/2006	Hậu Giang	8,33	9,00	Đạt
157	CB61157	CNHH2411048	Nguyễn Thị Như	Ý	23/11/2005	Cần Thơ	7,33	7,75	Đạt
158	CB61158	KTHC2411038	Võ Ngọc Như	Ý	08/04/2006	Kiên Giang	5,67	6,75	Đạt
159	CB61159	LQCC2411100	Huỳnh Ngọc Hải	Yến	16/09/2006	Đồng Tháp	7,00	7,75	Đạt
160	CB61160	TCNH2100789	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	14/10/2003	Cần Thơ	7,67	5,00	Đạt

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CHÂU MIÊU THANH

NGUYỄN BÁ DUY